INDUSVINA COMPANY LIMITED
178E Đường số 6, P. Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh
MST: 0312499465 | www.indusvina.com
info@indusvina.com
Hotline / Zalo / WhatsApp: +84 979 823 639

THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM

SKU #374 | DẦU DỪA – CHỈ TIÊU HÓA LÝ VÀ ACID BÉO

BẢNG CHỈ TIÊU VÀ PHƯƠNG PHÁP / TIÊU CHUẨN THAM CHIẾU

CHỈ TIÊU	GIÁ TRỊ / GIỚI HẠN	NGUỒN / PHÉP THỬ
Tỷ trọng tương đối (40 °C)	0,908–0,921	Codex CXS 210
Chỉ số khúc xạ (40 °C)	1,448–1,450	Codex CXS 210
Chỉ số iod	6,3–10,6 g I_2/100 g	Codex CXS 210
Chỉ số xà phòng hóa	248–265 mg KOH/g	Codex CXS 210
Acid lauric C12:0	45,1–53,2% acid béo	Codex CXS 210
Acid caprylic C8:0	4,6–10,0% acid béo	Codex CXS 210
Acid capric C10:0	5,0–8,0% acid béo	Codex CXS 210
Acid myristic C14:0	16,8–21,0% acid béo	Codex CXS 210
Acid palmitic C16:0	7,5–10,2% acid béo	Codex CXS 210
Acid stearic C18:0	2,0–4,0% acid béo	Codex CXS 210
Acid oleic C18:1	5,0–10,0% acid béo	Codex CXS 210
Acid linoleic C18:2	1,0–2,5% acid béo	Codex CXS 210
Chất không xà phòng hóa	≤15 g/kg	Codex CXS 210
Acid béo tự do / chỉ số acid	Theo cấp sản phẩm	ISO 660
Chỉ số peroxide	Theo cấp sản phẩm	ISO 3960
Ẩm và chất bay hơi	Theo cấp sản phẩm	ISO 662

NGUỒN TÀI LIỆU

Codex CXS 210-1999, bảng đặc trưng dầu dừa; ISO 660, ISO 3960, ISO 662. Các khoảng là đặc trưng nhận dạng dầu dừa nói chung.

Thông số kỹ thuật được tổng hợp từ các tài liệu nghiên cứu, tiêu chuẩn và nguồn công bố có trích dẫn, dùng để tham khảo, không phải điều kiện bắt buộc đối với mọi lô hàng. INDUSVINA sẽ cung cấp báo giá kèm thông số kỹ thuật chính xác, đáp ứng các yêu cầu cụ thể của từng lô hàng.